

Số: /UBND-VXNV

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

V/v cung cấp dữ liệu và hồ sơ
tài liệu minh chứng phục vụ
tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo
cấp tỉnh năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở, ngành: Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp;
- Cục Thống kê tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 2306/KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận năm 2024;

Tiếp nhận Công văn số 2761/BKH-CN-HVKHCN ngày 25/7/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp triển khai Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 (Chỉ số PII); theo đó, các chỉ số do địa phương cung cấp dữ liệu phục vụ tính toán PII 2024 gồm 13 chỉ số và một số dữ liệu về kinh tế - xã hội khác của địa phương; ngoài ra, có một vài điều chỉnh, bổ sung nội dung dữ liệu so với năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1364/TTr-SKH-CN ngày 01/8/2024;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Cục Thống kê tỉnh được giao nhiệm vụ cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024 tại Kế hoạch số 2306/KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, khẩn trương gửi tổng hợp và báo cáo cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024 về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ), nội dung cụ thể sau:

- Dữ liệu, hồ sơ tài liệu minh chứng và phân công thực hiện cụ thể: Theo nội dung 4, mục II, Kế hoạch số 2306/KH-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh và nội dung điều chỉnh, bổ sung theo văn bản số 2761/BKH-CN-HVKHCN ngày 25/7/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ (đã được tổng hợp theo Phụ lục đính kèm).

- Thời gian hoàn thành: **Chậm nhất đến ngày 15/8/2024.**

2. Trên cơ sở báo cáo của cơ quan, đơn vị tại Khoản 1 Công văn này, giao Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, kiểm tra, đối chiếu và tổng hợp dữ liệu, tài liệu minh chứng do cơ quan, đơn vị cung cấp để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh *trước ngày 31/8/2024*.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng thời gian yêu cầu trên. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

PHỤ LỤC

Dữ liệu, tài liệu minh chứng, phân công thực hiện cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng
phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND-VXNV ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
1	Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH-CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	<ol style="list-style-type: none">Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa hiện đang được thực hiện tại địa phương do Ủy ban nhân dân ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hỗ trợ phát triển HST KN, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST đến năm 2030 hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi,	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>(Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách Chuyển đổi số hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>(Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Sở Thông tin và truyền thông
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số) hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>(Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển khu công nghiệp hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>(Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Ban Quản lý các khu công nghiệp
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện</p>	Sở Công Thương

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024). (Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024). (Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Sở Giao thông Vận tải
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024). (Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Sở Nội vụ
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch của địa phương hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024). (Gửi kèm File các văn bản trên).</p>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Số tổ chức KH&CN/10.000 dân	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số tổ chức KH & CN tại địa phương tính đến ngày 31/12/2023 (do Sở KH&CN cấp GCN đăng ký hoạt động KH&CN).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách các tổ chức KH & CN do Sở KH & CN cấp GCN đăng ký hoạt động KH & CN kèm thông tin cơ bản (tên tổ chức, lĩnh vực hoạt động, địa chỉ).</p>	
3	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH & CN do tổ chức KH & CN và doanh nghiệp cùng thực hiện tại địa phương; tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH & CN của địa phương (số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN do tổ chức KH&CN và doanh nghiệp chủ trì/tham gia thực hiện; Danh sách các nhiệm vụ KH&CN (có thông tin: cơ quan/ tổ chức chủ trì; tổ chức thực hiện; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện).</p>	<p>- Sở Khoa học và Công nghệ</p> <p>- Các Tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh</p>
4	Số doanh nghiệp KH&CN và tương đương/1000 doanh nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng DN đã được cấp giấy CN DN KH&CN; số lượng DN đạt giải thưởng KH&CN cấp tỉnh trở lên (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách DN được cấp giấy CN DN KH&CN; Danh sách DN đạt giải thưởng KH&CN cấp tỉnh trở lên.</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>nghệ cao.</p> <p>- <i>Dữ liệu</i>: Số lượng DN trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ sinh học (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Danh sách DN trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ sinh học.</p>	Ban Quản lý các Khu công nghiệp
5	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	<p>- <i>Dữ liệu</i>: Số lượng DN, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ KNST của địa phương (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Danh sách DN, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ KNST của địa phương; kết quả chương trình (nếu có).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật trên tổng số học sinh trung học (%).	<p>- <i>Dữ liệu</i>:</p> <p>+ Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi NC KH&KT: (1) cấp quốc gia; (2) cấp tỉnh; (3) cấp huyện; (4) cấp trường (Số liệu của năm học 2022-2023 và 2023-2024).</p> <p>+ Tổng số học sinh: (1) THCS; (2) THPT; (bao gồm học sinh tại các Trường công lập, ngoài công lập và học sinh từ các trường của cơ quan trung ương đặt trên địa bàn tỉnh) (Số liệu của năm học 2022-2023 và 2023-2024).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Báo cáo của Sở GD và Đào tạo</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		gửi UBND tỉnh và Sở KH&CN để tổng hợp.	
7	Tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề từ ngân sách địa phương/GRDP;	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi GD-ĐT và dạy nghề); (2) Chi thường xuyên (chi GD-ĐT và dạy nghề); (3) Tổng chi NSĐP (Số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.</p>	Sở Tài chính
8	2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi KH&CN); (2) Chi thường xuyên (chi KH&CN); (3) Tổng chi NSĐP (Số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.</p>	Sở Tài chính
9	Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch; (2) diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (ĐVT: ha), trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu công nghiệp; + Khu kinh tế; + Khu công nghệ cao; + Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Ban Quản lý Khu</p>	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		Công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
10	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 DN ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số dự án đầu tư nước ngoài đang SXKD; (2) số dự án đầu tư trong nước đang SXKD tính đến ngày 31/12/2023, trong:</p> <p>+ Khu công nghiệp (bao gồm khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao).</p> <p>+ Khu kinh tế (bao gồm khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt).</p> <p>+ Khu công nghệ cao.</p> <p>+ Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Ban quản lý khu công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
11	Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000DN ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương.	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp; (2) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp làng nghề. Dữ liệu tính đến ngày 31/12/2023.</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Sở Công Thương gửi UBND tỉnh, Cục Công Thương địa phương (theo biểu mẫu quy định tại Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ).</p>	Sở Công Thương
12	Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số lượng sản phẩm OCOP được cấp GCN hạng 4 sao; (2)) Số lượng sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>được cấp GCN hạng 5 sao.</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Danh sách các sản phẩm được cấp GCN hạng 4 sao, 5 sao.</p>	
13	Số liệu kinh tế xã hội khác	<ul style="list-style-type: none"> - GRDP của địa phương (<i>tính theo giá hiện hành, đơn vị tỷ đồng</i>). - Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2023 (<i>DN</i>). - Tổng số doanh nghiệp mới thành lập tính đến ngày 31/12/2023 (<i>DN</i>). - Tổng số doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương tính đến ngày 31/12/2023 (<i>DN</i>). - Dân số trung bình tính đến 31/12/2023 (<i>người</i>). - Số lượng đơn vị hành chính cấp xã (<i>xã</i>). - Cơ cấu kinh tế địa phương (%): <ul style="list-style-type: none"> + <i>Công nghiệp - xây dựng</i>; + <i>Dịch vụ</i>; + <i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>; + <i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>. 	Cục Thống kê tỉnh